

# TRANH CHẤP GẦN MỐC 1.100 ĐIỂM

*Câu chuyện hôm nay: Thông tin  
về những thay đổi trong cách  
tính hệ số LDR của ngân hàng*

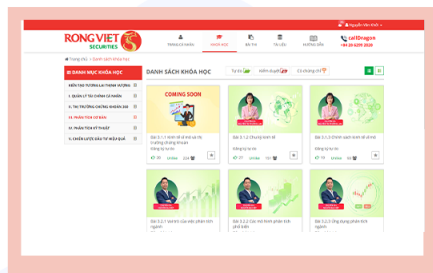
**BẢN TIN SÁNG 06/12/2022**





eduDragon

KIẾN THỨC LÀ CON ĐƯỜNG AN TOÀN NHẤT  
DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG



WEBSITE

<https://edu.vdsc.com.vn/>



## NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

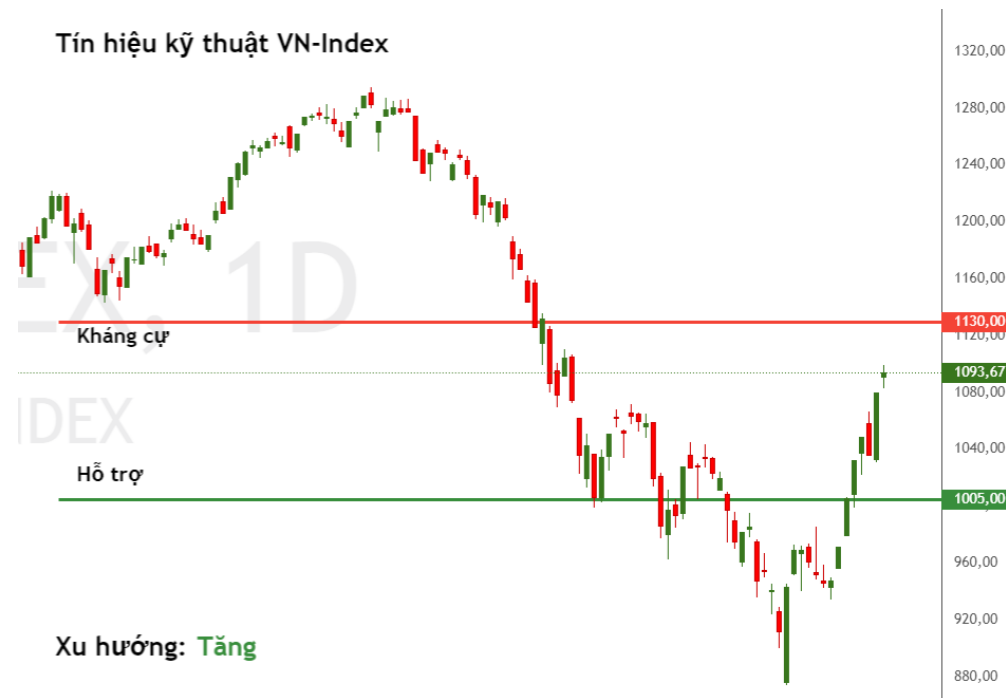
**VN-Index** 1093.7 ▲ 1.3%    **VN30** 1110.9 ▲ 1.6%    **HNX-Index** 220.0 ▲ 1.9%

- ❖ Với diễn biến bùng nổ trong phiên cuối tuần vừa qua, thị trường tiếp tục tăng điểm ngay khi mở cửa ngày mới. Áp lực chốt lời đồng thời cũng xuất hiện và khiến đà tăng điểm tạm thời chững lại trước vùng tâm lý 1.100 điểm.
- ❖ Về trạng thái giao dịch của các nhóm ngành, phần lớn đều duy trì mức tăng tích cực. Đáng chú ý nhất hôm nay là đà tăng mạnh của nhóm Tài chính gồm Chứng khoán, Ngân hàng và Bảo hiểm. Những nhóm ngành khác như Thiết bị điện, Vật liệu xây dựng, Cao su, Dầu khí, Xây dựng ... cũng ghi nhận diễn biến tích cực.
- ❖ Trốn tăng điểm của thị trường vẫn duy trì sức mạnh và giúp thị trường tiến sâu hơn về gần mốc 1.100 điểm của VN-Index. Dù vậy, với nhịp điều chỉnh chóng vánh thời gian qua, áp lực chốt lời tạm thời vẫn đang gây khó khăn cho khả năng nói rộng đà tăng của các chỉ số.
- ❖ Do đó, VN-Index vẫn chỉ có thể đóng cửa trong trạng thái tranh chấp. Với tín hiệu nguồn cung vẫn có duy trì khá lớn, có khả năng VN-Index sẽ tiếp tục bị cản tại vùng 1.100 điểm và lùi bước để cân bằng trạng thái sau nhịp tăng nhanh.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư cần chậm lại và chờ trạng thái cân bằng của thị trường.
- ❖ Đồng thời có thể cân nhắc chốt lời tại các cổ phiếu đang chịu áp lực bán tại vùng cản sau giai đoạn tăng nhanh.

Tín hiệu kỹ thuật VN-Index



**Thế giới**
**Tài chính**
**Dow Jones mất 500 điểm do lo ngại Fed có thể tiếp tục thắt chặt chính sách**

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, chỉ số Dow Jones rớt 482.78 điểm (tương đương 1.4%) xuống 33,947.10 điểm. Chỉ số S&P 500 mất 1.79%. Chỉ số Nasdaq Composite lùi 1.93%. Chỉ số Dịch vụ ISM tháng 11 nóng hơn dự kiến càng làm gia tăng lo ngại rằng Fed sẽ tiếp tục nâng lãi suất sau khi chỉ số này cao hơn dự báo của Dow Jones và tăng so với mức tháng 10. Lợi suất trái phiếu tăng khi cổ phiếu giảm, với lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm khép phiên cộng gần 9 điểm cơ bản lên 3.588% vào ngày thứ Hai. [Xem thêm](#)

**Thế giới**
**Ấn Độ**
**Một loạt nhà máy mọc lên ở Ấn Độ: Lời "chia tay" của Apple với Trung Quốc?**

Một loạt nhà máy mọc lên như nấm ở miền nam Ấn Độ nằm bên trong các tòa nhà khổng lồ, nằm một cách bí ẩn bên một đoạn đường khói bụi. [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**Kinh tế**
**Lý do Samsung cắt giảm sản lượng tại Việt Nam?**

Điều kiện kinh tế không thuận lợi, lạm phát, lãi suất cao và các cuộc khủng hoảng địa chính trị được coi là những nguyên nhân chính của việc sụt giảm sản lượng điện thoại thông minh tại Việt Nam. [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**BDS**
**Kiến nghị nâng mức tiền đặt cọc đấu giá đất lên khoảng 30–35% giá khởi điểm**

Để ngăn chặn tình trạng nâng giá, dìm giá, bỏ cọc trong đấu giá đất hiện nay, cử tri đề nghị nâng mức tiền đặt cọc đấu giá lên 30-35% giá khởi điểm... [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**Tài chính**
**NHNN tăng chỉ tiêu tín dụng thêm 1.5-2% cho toàn hệ thống các tổ chức tín dụng**

Trước tình hình tác động từ bên ngoài dội bót, thanh khoản của hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) cải thiện hơn. Ngày 05/12/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quyết định điều chỉnh chỉ tiêu tín dụng định hướng năm 2022 thêm khoảng 1.5-2% cho toàn hệ thống các TCTD. [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**Kinh tế**
**Xuất khẩu sau 11 tháng vượt 342 tỷ USD**

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 11 tháng năm 2022 ước đạt hơn 342 tỷ USD, tăng 13,4% svck năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 673,82 tỷ USD, tăng 11,8% svck năm trước và vượt kết quả năm 2021 (668,5 tỷ USD). Trong đó, xuất khẩu ước đạt 342,21 tỷ USD tăng 13,4%; nhập khẩu ước đạt 331,61 tỷ USD, tăng 10,1%. [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**Kinh tế**
**LG muốn đầu tư thêm 4 tỷ USD, đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất máy ảnh cho điện thoại trong tương lai**

Phó Chủ tịch LG cho biết đã đầu tư vào Việt Nam từ lâu, từ năm 1995 và đến nay đầu tư 5,3 tỷ USD vào Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, sản xuất máy ảnh, điện tử, điện gia dụng, thiết bị ô tô. Tương lai, LG sẽ đầu tư vào Việt Nam thêm 4 tỷ USD nữa. Tập đoàn mong muốn tiếp tục hợp tác đầu tư tại Việt Nam trong nhiều lĩnh vực và đưa Việt Nam thành trung tâm sản xuất máy ảnh cho điện thoại trong tương lai. [Xem thêm](#)

**Trong nước**
**Kinh tế**
**Gần 40 nhà máy ở Bình Dương muốn tuyển 9.000 lao động**

Hàng chục nhà máy thuộc ngành điện tử, thực phẩm, may mặc ở vùng trọng điểm công nghiệp Đông Nam Bộ nhu cầu tuyển mới gần 9.000 lao động. [Xem thêm](#)

## Sự kiện trong nước

| Thời gian  | Sự kiện                                      |
|------------|----------------------------------------------|
| 01/12/2022 | Công bố PMI (Purchasing Managers Index)      |
| 01/12/2022 | Ngày hiệu lực cơ cấu danh mục MSCI           |
| 02/12/2022 | Công bố cơ cấu danh mục FTSE và VNM ETF      |
| 15/12/2022 | Đáo hạn HĐTL VN30F2212                       |
| 16/12/2022 | Ngày thực hiện cơ cấu Quỹ FTSE và VNM ETF    |
| 29/12/2022 | Công bố số liệu kinh tế Việt Nam cả năm 2022 |

## LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THỜI GIAN TỚI

### Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia   | Sự kiện                                           |
|------------|------------|---------------------------------------------------|
| 01/12/2022 | Mỹ         | Công bố số liệu lạm phát (chỉ số giá PCE)         |
| 01/12/2022 | Mỹ         | Chủ tịch FED Powell phát biểu                     |
| 02/12/2022 | Mỹ         | Công bố tỷ lệ thất nghiệp                         |
| 04/12/2022 | Tất cả     | Họp Tổ chức các nước sản xuất dầu lửa (OPEC-JMMC) |
| 06/12/2022 | Úc         | Quyết định chính sách RBA                         |
| 07/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                  |
| 08/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA             |
| 12/12/2022 | Anh        | Công bố số liệu GDP                               |
| 13/12/2022 | Mỹ         | Công bố số liệu lạm phát (Chỉ số CPI)             |
| 14/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                  |
| 15/12/2022 | Anh        | Quyết định chính sách BoE                         |
| 15/12/2022 | Châu Âu    | Quyết định chính sách ECB                         |
| 15/12/2022 | Nhật       | FED công bố kết quả họp FOMC                      |
| 15/12/2022 | Mỹ         | Công bố doanh số bán lẻ                           |
| 15/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA             |
| 20/12/2022 | Nhật       | Quyết định chính sách BoJ                         |
| 20/12/2022 | Trung Quốc | Quyết định lãi suất cơ bản                        |
| 21/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                  |
| 22/12/2022 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA             |

# TRUY TÌM CỔ PHIẾU CHẤT LƯỢNG HIỆU QUẢ ẤN TƯỢNG

Cùng **smartScore**  
Hệ thống chấm điểm cổ phiếu chuyên biệt

Hiệu quả các nhóm cổ phiếu smartScore so với VN-Index



KHÁM PHÁ NGAY

| Sàn giao dịch | Mã cổ phiếu | Vốn hoá (nghìn tỷ đ) | Giá hiện tại (VND) | Giá mục tiêu (VND) | LN kỳ vọng (%) | Tăng trưởng DT (%) |       | Tăng trưởng LNST |       | P/E   |       | P/B      |
|---------------|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------|------------------|-------|-------|-------|----------|
|               |             |                      |                    |                    |                | 2021               | 2022F | 2021             | 2022F | 2021  | 2022F | Hiện tại |
| HNX           | <b>TNG</b>  | 1.6                  | 15,000             | 23,500             | 56.7%          | 0.0                | 18.6  | 0.0              | 35.2  | 4.9   | 6.0   | 1.0      |
| HOSE          | <b>HAX</b>  | 1.0                  | 17,000             | 26,500             | 55.9%          | -0.3               | 8.9   | 28.2             | 74.9  | 9.1   | 3.5   | 1.1      |
| UPCOM         | <b>HND</b>  | 6.6                  | 13,200             | 20,500             | 55.3%          | -16.9              | 21.3  | -69.5            | 69.4  | 17.8  | 6.9   | 1.1      |
| HOSE          | <b>KBC</b>  | 16.9                 | 22,050             | 33,400             | 51.5%          | 100.3              | -30.7 | 198.7            | 288.4 | 14.2  | 6.5   | 1.0      |
| HOSE          | <b>DBD</b>  | 2.8                  | 37,000             | 52,200             | 41.1%          | 24.0               | -5.7  | 19.8             | 16.8  | N/A   | 12.4  | 2.1      |
| HOSE          | <b>PVD</b>  | 9.3                  | 16,800             | 23,000             | 36.9%          | -23.7              | 40.1  | -89.6            | N/A   | 140.0 | 20.8  | 0.7      |
| HOSE          | <b>GEG</b>  | 4.3                  | 13,300             | 18,200             | 36.8%          | -7.5               | 53.2  | 9.4              | 9.8   | 14.9  | 10.5  | 1.2      |
| HOSE          | <b>PPC</b>  | 4.3                  | 13,550             | 18,100             | 33.6%          | -51.0              | 45.2  | -71.5            | 41.5  | 9.8   | 6.3   | 0.9      |
| HOSE          | <b>PC1</b>  | 5.3                  | 19,500             | 26,000             | 33.3%          | 47.4               | -25.2 | 36.8             | -72.3 | 11.7  | 7.8   | 1.1      |
| HOSE          | <b>FPT</b>  | 85.9                 | 78,300             | 102,500            | 30.9%          | 19.5               | 19.0  | 22.5             | 31.8  | 20.2  | 12.1  | 4.3      |
| HOSE          | <b>LHG</b>  | 1.1                  | 22,200             | 28,800             | 29.7%          | 21.5               | 0.7   | 48.5             | -23.0 | 3.7   | 3.4   | 0.7      |
| HOSE          | <b>PHR</b>  | 6.2                  | 46,100             | 59,800             | 29.7%          | 19.0               | -31.0 | -49.8            | 90.2  | 16.7  | 7.4   | 1.8      |
| HOSE          | <b>FMC</b>  | 2.3                  | 34,800             | 45,000             | 29.3%          | 17.8               | 17.1  | 18.1             | 22.6  | 8.1   | 6.3   | 1.2      |
| HOSE          | <b>FRT</b>  | 8.3                  | 70,300             | 88,000             | 25.2%          | 53.4               | 27.6  | 1,695.1          | 27.8  | 31.8  | 11.2  | 4.3      |
| UPCOM         | <b>QNS</b>  | 13.7                 | 38,300             | 47,700             | 24.5%          | 13.0               | 13.3  | 17.9             | 2.0   | 9.7   | 7.9   | 1.6      |
| HOSE          | <b>STK</b>  | 2.2                  | 26,900             | 33,500             | 24.5%          | 15.7               | 7.7   | 94.2             | -10.6 | 8.0   | 7.5   | 1.5      |
| HOSE          | <b>ACB</b>  | 79.7                 | 23,600             | 29,200             | 23.7%          | 29.7               | 19.6  | 25.0             | 50.9  | 8.3   | 4.8   | 1.4      |
| HOSE          | <b>MBB</b>  | 86.1                 | 19,000             | 23,500             | 23.7%          | 35.0               | 20.9  | 53.7             | 48.4  | 7.1   | 3.5   | 1.2      |

## Thông tin về những thay đổi trong cách tính hệ số LDR của ngân hàng

Thời gian gần đây, có thông tin cho rằng NHNN sẽ điều chỉnh cách tính hệ số LDR (Tỷ lệ Dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi) của các ngân hàng, trước đó thì hệ số LDR được tính theo thông tư 22/2019/TT-NHNN Chúng tôi đánh giá, sự thay đổi của hệ số này sẽ gây ra một số tác động trong ngắn hạn (so sánh chi tiết tại Bảng 1).

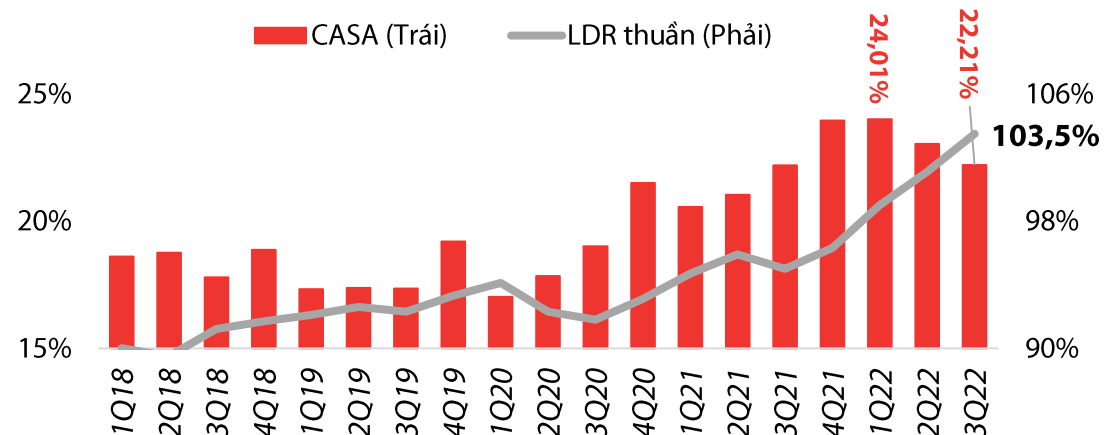
### Hệ số LDR là gì?

Hệ số LDR là một trong số sáu chỉ số quan trọng nhất ngành ngân hàng được NHNN ban hành, quy định mức trần tối đa việc cho vay so với huy động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động và thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Đồng thời, đây cũng là chỉ số quan trọng trong phân tích/đánh giá ngân hàng, trong đó LDR là biến giải thích cho kết quả của tỷ lệ thu nhập lãi thuần – NIM của ngân hàng và cảnh báo thanh khoản ngân hàng. Khi LDR tăng thì tỷ trọng cho vay khách hàng tăng hay cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tài sản có sinh lời, điều này cũng có thể giúp hệ số NIM được cải thiện.

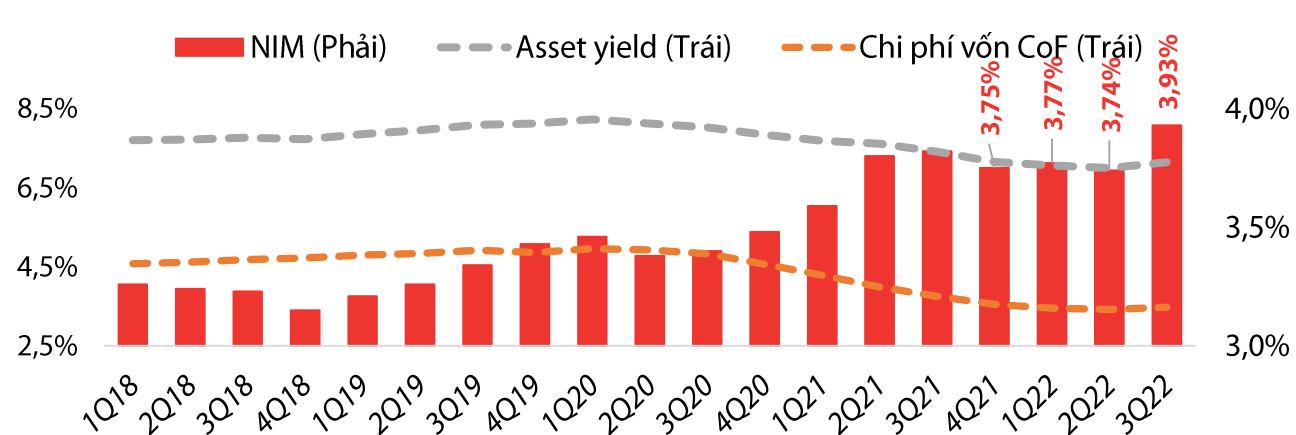
### Diễn biến thời gian qua- LDR liên tục gia tăng

Việc các ngân hàng đẩy mạnh cho vay, tập trung huy động từ thị trường liên ngân hàng trong khi nguồn vốn huy động từ dân cư thấp, đẩy LDR thuần cả ngành tăng cao kỷ lục, qua đó giúp NIM của toàn ngành vẫn duy trì ổn định. Tuy nhiên, khi có những thay đổi trong chính sách liên quan tới ngành ngân hàng, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp... đã dẫn tới thanh khoản hệ thống sụt giảm nghiêm trọng. Đồng thời, việc liên tục bán USD để ổn định tỷ giá cũng góp phần vào việc căng thẳng thanh khoản của hệ thống.

**Hình 1: LDR thuần và CASA của ngành ngân hàng (%)**



**Hình 2: NIM của ngành ngân hàng (%)**



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

**Bảng 1: Những thông tin được thị trường đồn về những thay đổi có thể được hiện trong thông tư 22/2019**

| Tiêu chí                                                                   | Thông tư 22/2019                                                                                                                                                                                                                                                    | Có khả năng sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú         |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| I) Tổng dư nợ cho vay                                                      | Dư nợ cho vay đối với cá nhân, tổ chức (không bao gồm dư nợ cho vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam)                                                                                                                             | Dư nợ cho vay đối với cá nhân, tổ chức (không bao gồm dư nợ cho vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam)                                                                                                                                                                                                                                   | Không thay đổi  |
|                                                                            | Các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cho vay                                                                                                                                                                                 | Các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cho vay                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Không thay đổi  |
|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                     | Các khoản đầu tư trái phiếu DN (không bao gồm TP do tổ chức tín dụng khác phát hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Thêm mới</b> |
| II) Tổng dư nợ cho vay được trừ đi                                         | Dư nợ cho vay bằng nguồn ủy thác của Chính phủ, cá nhân và tổ chức khác                                                                                                                                                                                             | Dư nợ cho vay bằng nguồn ủy thác của Chính phủ, cá nhân và tổ chức khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Không thay đổi  |
|                                                                            | Nguồn vốn vay ở nước ngoài của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nguồn vốn vay ở nước ngoài bao gồm cả nguồn vốn vay của ngân hàng mẹ và các chi nhánh của ngân hàng mẹ ở nước ngoài                               | Nguồn vốn vay ở nước ngoài của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nguồn vốn vay ở nước ngoài bao gồm cả nguồn vốn vay của ngân hàng mẹ và các chi nhánh của ngân hàng mẹ ở nước ngoài                                                                                                                                     | Không thay đổi  |
|                                                                            | Số dư vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước, không bao gồm số dư vay tái cấp vốn để hỗ trợ khả năng chi trả tạm thời                                                                                                                                               | Số dư vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước, không bao gồm số dư vay tái cấp vốn để hỗ trợ khả năng chi trả tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                     | Không thay đổi  |
|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vốn điều lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Thêm mới</b> |
|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thặng dư vốn cổ phần, LN chưa phân phối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Thêm mới</b> |
| III) Tổng tiền gửi bao gồm                                                 | Tiền gửi của tổ chức trong nước và nước ngoài (bao gồm cả tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác), trừ các khoản sau đây:<br>(i) Tiền gửi các loại của Kho bạc Nhà nước;<br>(ii) Tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng của khách hàng | Tiền gửi của tổ chức trong nước và nước ngoài, trừ các khoản sau đây:<br>1) Tiền gửi của TCTD, chi nhánh NH nước ngoài khác;<br>2) Tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng của khách hàng;<br>3) Tiền gửi có kỳ hạn của KBNN theo lộ trình sau đây:<br>➤ Năm 2023: 50% số dư tiền gửi KBNN<br>➤ Năm 2024: 75% số dư tiền gửi KBNN<br>➤ Sau 2025: 100% số dư tiền gửi KBNN | <b>Thay đổi</b> |
|                                                                            | Tiền gửi của cá nhân, trừ tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng                                                                                                                                                                                                   | Tiền gửi của cá nhân, trừ tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Không thay đổi  |
|                                                                            | Tiền huy động từ phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu                                                                                                                                                                                      | Các khoản huy động khác trừ đi huy động từ liên ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Không thay đổi  |
| IV) Ngân hàng phải duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa | LDR dưới 85% đối với tất cả các ngân hàng                                                                                                                                                                                                                           | ➤ Năm 2023: 90%<br>➤ Năm 2024: 87%<br>➤ Sau 2025: 85%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Thay đổi</b> |

## Đánh giá về sự thay đổi công thức tính toán

Từ bảng 1, có thể thấy rằng công thức tính LDR không có nhiều thay đổi so với trước.

- Phần tử số, thay vì chỉ tính đến tổng dư nợ cho vay như hiện tại thì sẽ được thay đổi bằng tổng dư nợ cho vay **cộng** thêm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cùng với việc trừ đi Vốn điều lệ và lợi nhuận chưa phân phối.
- Phần mẫu số tổng huy động từ khách hàng, ngân hàng khác và một phần tiền gửi của KBNN sau đó **trừ** đi các khoản huy động liên ngân hàng từ ngân hàng khác và tiền huy động từ giấy tờ có giá phát hành cho các ngân hàng khác.

Theo cách tính mới này, có thể thấy rằng, đã có những điều chỉnh song song vừa có những điểm chặt chẽ hơn đồng thời lại có những điểm lỏng hơn, kết quả sẽ có ảnh hưởng trái chiều giữa các ngân hàng. Cụ thể, có thể thấy rằng việc loại trừ khỏi mẫu số những cấu phần đã nêu (huy động liên ngân hàng, giấy tờ có giá) thể hiện quy định chặt chẽ hơn và có thể làm tăng hệ số LDR.

## Tác động sơ bộ tới các nhóm ngân hàng

- Nhóm các ngân hàng vay ròng trên thị trường liên ngân hàng: như HDB, VIB, TPB hay VPB... sẽ chịu áp lực tăng LDR.
- Nhóm Ngân hàng quốc doanh và tư nhân lớn: tính thêm tiền gửi của KBNN và loại trừ phần VCSH ra khỏi mẫu số để tính cho vay sẽ có tác động tích cực cho nhóm NHNN được KBNN gửi tiền và các ngân hàng có vốn chủ cao như VCB, BID, TCB, VPB, MBB.
- Nhóm ngân hàng nắm giữ nhiều trái phiếu: có thể gây bất lợi hơn cho những ngân hàng có tỷ trọng TPDN cao như MBB, VPB, TPB là những ngân hàng có tỷ trọng cho vay TPDN cao tính đến hết Q3/2022.

## Tổng kết

Chúng tôi thấy rằng theo cách tính này, ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục hướng đến sự an toàn và đảm bảo tính thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, giảm thiểu rủi ro hệ thống qua việc hạn chế cho vay liên ngân hàng + cấp tín dụng qua TPDN đang tang trường nóng và ưu tiên cho các ngân hàng có vốn dày. Hay tình trạng, huy động từ thị trường dân cư thấp nhưng vẫn đẩy mạnh cho vay sẽ được giảm thiểu. Những ngân hàng có VCSH lớn, tỷ trọng tín dụng qua TPDN thấp, có lượng tiền gửi từ KBNN cao, ít huy động tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng và phát hành giấy tờ có giá cho các ngân hàng khác sẽ được có sức chống chịu tốt hơn trong bối cảnh thanh khoản giảm, môi trường vĩ mô khó lường và hệ số LDR thuần tăng mạnh trong thời gian qua.

| Ngày  | Mã cổ phiếu | Bình luận kỹ thuật mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 06/12 | KDH         | KDH tiếp tục xu thế tăng giá sau nhịp rung lắc tại vùng 27. Hiện tại trón tăng vẫn còn nhưng KDH sắp tiến đến vùng biên trên của kênh giá, tương ứng vùng 32.5 - 33. Vùng này dự kiến sẽ tồn tại áp lực chốt lời lớn nên cần cân nhắc khả năng chốt lời tại KDH sau nhịp tăng nhanh.                                                                            |
|       | PC1         | PC1 tiếp tục ghi nhận tín hiệu thận trọng tại vùng cản 20.2. Với áp lực hiện tại, có thể PC1 sẽ lùi bước ngắn hạn và thăm dò cung cầu tại vùng 17.5 - 20.2 trong thời gian tới.                                                                                                                                                                                 |
|       | TPB         | TPB bị cản tại vùng cản 24 và lùi bước trước áp lực chốt lời ngắn hạn. Áp lực này có thể gây sức ép cho TPB trong thời gian gần tới. Tuy nhiên, vùng 21.5 vẫn đang là vùng hỗ trợ khá tốt cho TPB. Dự kiến TPB sẽ dao động thăm dò cung cầu tại vùng 21.5 - 24 trước khi có tín hiệu cụ thể hơn.                                                                |
|       | VIC         | VIC tiếp tục bị cản tại vùng 70 và ghi nhận tín hiệu dòng tiền giảm. Có khả năng VIC sẽ tiếp tục bị cản và lùi bước ngắn hạn để thăm dò cung cầu.                                                                                                                                                                                                               |
|       | VNIndex     | VN-Index tiếp tục nhịp tăng nhưng có động thái thận trọng trước vùng 1.100 điểm. Nến Star với thanh khoản tăng, cho thấy áp lực chốt lời tiếp tục gây sức ép dẫn đến trạng thái tranh chấp. Với tín hiệu nguồn cung vẫn có duy trì khá lớn, có khả năng VN-Index sẽ tiếp tục bị cản tại vùng 1.100 điểm và lùi bước để cân bằng trạng thái sau nhịp tăng nhanh. |

| Ngày MUA            | Mã  | Giá Hiện tại | Giá KN MUA | Mục tiêu Ngắn hạn 1 | Mục tiêu Ngắn hạn 2 | Cắt lỗ | Giá đóng vị thế | Lời/ Lỗ | Trạng thái   | Biến động VN-Index (*) |
|---------------------|-----|--------------|------------|---------------------|---------------------|--------|-----------------|---------|--------------|------------------------|
| 30/11               | TPB | 23.15        | 21.10      | 24.00               | 27.50               | 19.90  |                 | 9.7%    |              | 6.0%                   |
| 30/11               | PAN | 16.40        | 15.20      | 17.50               | 19.50               | 13.90  |                 | 7.9%    |              | 6.0%                   |
| 29/11               | CTI | 12.55        | 11.65      | 13.00               | 15.50               | 10.50  |                 | 7.7%    |              | 8.7%                   |
| 28/11               | VIB | 21.90        | 18.50      | 21.00               | 23.50               | 16.90  |                 | 18.4%   |              | 12.6%                  |
| 25/11               | VCB | 85.00        | 73.00      | 78.00               | 84.00               | 69.90  | 84.00           | 15.1%   | Đóng 02/12   | 14.0%                  |
| 18/11               | KBC | 22.05        | 15.30      | 18.40               | 21.50               | 13.70  | 21.15           | 38.2%   | Đóng 30/11   | 8.2%                   |
| 04/11               | IDC | 36.80        | 40.50      | 50.00               | 54.00               | 36.80  | 36.80           | -9.1%   | Cắt lỗ 10/11 | -7.1%                  |
| 04/11               | HAH | 30.85        | 33.80      | 42.50               | 46.50               | 31.80  | 31.80           | -5.9%   | Cắt lỗ 08/11 | -3.7%                  |
| 04/11               | CTD | 36.10        | 41.00      | 53.00               | 57.00               | 38.40  | 34.80           | -15.1%  | Cắt lỗ 08/11 | -3.7%                  |
| 04/11               | PC1 | 19.50        | 18.20      | 22.00               | 25.00               | 16.20  | 16.20           | -11.0%  | Cắt lỗ 10/11 | -7.1%                  |
| 03/11               | NLG | 29.90        | 22.50      | 27.50               | 30.00               | 20.90  | 20.20           | -10.2%  | Cắt lỗ 07/11 | -4.7%                  |
| 03/11               | HDB | 16.95        | 16.00      | 18.00               | 19.50               | 15.20  | 14.50           | -9.4%   | Cắt lỗ 07/11 | -4.7%                  |
| 31/10               | MWG | 47.60        | 50.00      | 58.00               | 60.00               | 48.40  | 48.40           | -3.2%   | Cắt lỗ 02/11 | -0.4%                  |
| 13/10               | PHR | 46.10        | 45.00      | 50.00               | 53.00               | 42.70  | 48.60           | 8.0%    | Đóng 18/10   | 2.8%                   |
| 07/10               | BID | 41.25        | 29.00      | 33.00               | 35.00               | 27.40  | 33.00           | 13.8%   | Đóng 14/10   | -1.2%                  |
| Hiệu quả Trung bình |     |              |            |                     |                     |        |                 | 3.7%    |              | 1.7%                   |

(\*) Biến động VN-Index tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế, làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

**1. Sản phẩm Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn** kèm gói thanh khoản:

| Thời hạn<br>(Tháng) | Suất sinh lợi (%/Năm) |               |
|---------------------|-----------------------|---------------|
|                     | Gói cố định           | Gói linh hoạt |
| Không kỳ hạn        | 2.00%                 | 2.00%         |
| 1                   | 7.60%                 | 7.60%         |
| 2                   | 8.10%                 | 7.80%         |
| 3                   | 8.50%                 | 8.10%         |
| 4                   | 8.80%                 | 8.40%         |
| 5                   | 9.10%                 | 8.70%         |
| 6                   | 9.40%                 | 9.00%         |
| 7                   | 9.50%                 | 9.10%         |
| 8                   | 9.60%                 | 9.20%         |
| 9                   | 9.70%                 | 9.30%         |
| 10                  | 9.80%                 | 9.40%         |
| 11                  | 9.90%                 | 9.50%         |
| 12                  | 10.00%                | 9.60%         |

**Ghi chú:**

• **Gói cố định:** Rong Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào một ngày xác định.

• **Gói linh hoạt:** Rong Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào bất kỳ ngày nào theo nhu cầu của Khách hàng.

(\*) Trái phiếu được đảm bảo bằng BĐS với tỷ lệ đảm bảo hơn 160% do VCB quản lý.

(\*\*) Suất sinh lợi ở bảng trên là suất sinh lợi thực nhận của nhà đầu tư.

**2. Sản phẩm Gói Mua nắm giữ 1 năm** đối với Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn với Suất sinh lời là **10.2%/năm**.

**3. Sản phẩm Mua nắm giữ đáo hạn** đối với Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Incons (HTN):

| Đáo hạn ngày 31/12/2022 |          |
|-------------------------|----------|
| Thời gian mua           | Lãi suất |
| Từ 16/11/22-31/12/22    | 7.50%    |

Quý Khách hàng vui lòng liên hệ Nhân viên quản lý tài khoản và các kênh sau để được tư vấn trực tiếp hoặc để lại thông tin Rong Việt sẽ liên lạc trong thời gian sớm nhất.

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỢI SỞ

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon  
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn  
☎ (+84) 28 6291 7986 🌐 www.vdsc.com.vn  
MST 0304734965

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow  
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội  
☎ (+84) 24 6288 2006  
☎ (+84) 24 6288 2008

### CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,  
TP. Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (+84) 25 8382 0006  
☎ (+84) 25 8382 0008

### CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ  
☎ (+84) 29 2381 7578  
☎ (+84) 29 2381 8387

### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

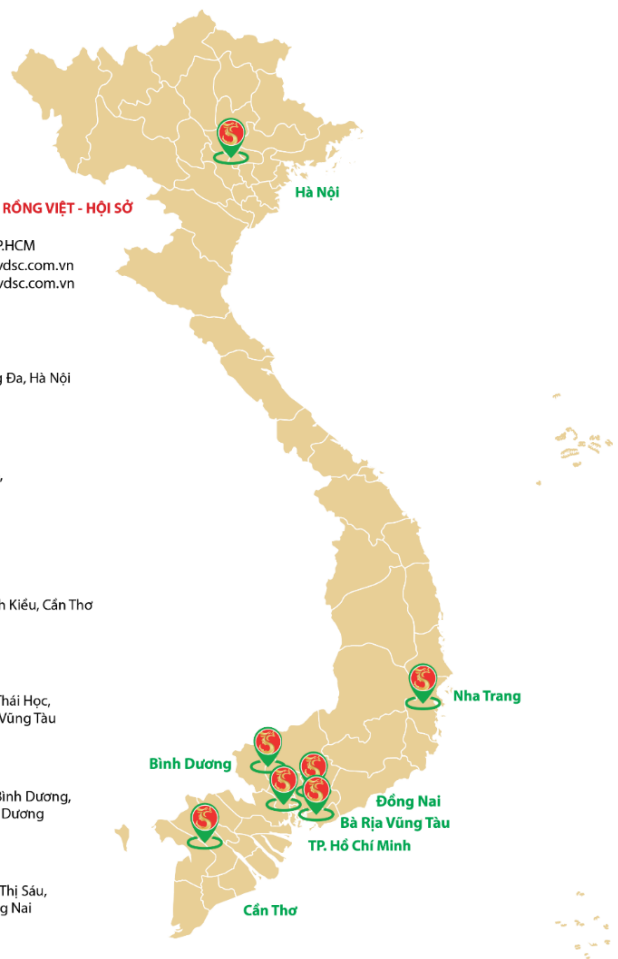
Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,  
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
☎ (+84) 25 4777 2006

### CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,  
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
☎ (+84) 27 4777 2006

### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,  
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
☎ (+84) 25 1777 2006



Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**

## PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

**Trần Hà Xuân Vũ**

**Trưởng phòng**

vu.thx@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1512)

**Nguyễn Huy Phương**

**Phó phòng**

phuong.nh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1241)

**Nguyễn Đại Hiệp**

**Chuyên viên cao cấp**

hiep.nd@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1331)

**Phạm Thu Hà Phương**

**Chuyên viên**

phuong1.pth@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1372)

**Nguyễn Minh Hiếu**

**Chuyên viên**

hieu.nm@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1295)

**Đinh Văn Hiến**

**Chuyên viên**

hien.dv@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006